

CHƯƠNG 5: NHÂN QUẢ BIỆT BẤT BIỆT

Luận nói: Thế nào là huân tập chủng tử không khác và không nhiều, mà có thể khiến cho chủng tử có khác và nhiều làm nhân sinh các pháp?

Giải thích: Câu hỏi này muốn vấn nạn nhân quả hữu thì không thành câu vấn nạn, vì sự chấp quả và nhân không đồng thời. Nếu vấn nạn nhân của quả báo thì có thể thành vấn nạn. Nhân của quả báo thì chắc chắn là hữu ký. Quả của quả báo thì chắc chắn không đồng thời với nhân.

Luận nói: Ví như nhiều sợi tơ kết thành áo, thì chiếc áo không có nhiều màu sắc. Nếu đem nhuộm, thì các thứ tướng mạo trên chiếc áo mới được hiển thị hiện.

Giải thích: Dẫn thí dụ này là muốn thuyết minh nhân quả của quả báo đều được thành lập. Như người muốn trên chiếc áo hiển thị hiện các hình tướng, thì trước hết dùng tơ may áo. Áo này đang may thì các tướng mạo đều giống nhau. Sau khi đem vào dụng cụ nhuộm thì có nhiều tướng mạo hiển hiện.

Luận nói: Như vậy A-lê-da thức, là sở huân của tất cả pháp.

Giải thích: A-lê-da thức là sở huân của ba nghiệp thiện, ác và bất động, như sự may áo.

Luận nói: Khi huân tập thì chỉ có một tánh, không có nhiều thứ.

Giải thích: Khi huân tập thì tự nó có ba thứ: 1. Thời điểm phương tiện làm. 2. Thời điểm chính thức làm. 3. Thời điểm làm sau đó. Lại có ba thứ nữa: 1. Thời điểm Tự tác. 2. Thời điểm giáo tha tác. 3. Thời điểm tùy hỷ tác thời. chủng tử cùng với A-lê-da thức đồng là tánh vô ký. Nếu lia thức này thì mỗi mỗi đều là khác thể.

Luận nói: Nếu sinh quả và vật nhuộm hiện tiền thì có các chủng loại tướng mạo không thể tính đếm, hiển hiện trong A-lê-da thức.

Giải thích: Nếu mọi điều kiện đã đủ, như chiếc áo đang đưa vào vật nhuộm. Như vậy chủng tử và bản thức đối với hiện tại sinh thì, tùy theo một thời trong ba thời sau được hiện tiền thì có chủng loại tướng mạo quả báo không thể tính đếm hiển hiện trong thức này. Cho nên khi huân tập tuy là không khác, nhưng khi quả báo đã thuần thực thì có vô lượng sai biệt, ví như nhuộm áo. Nếu ý ông cho rằng quả báo quyết định lấy hữu ký làm nhân thì tại sao lấy vô ký làm nhân? Nghĩa này không khác nhau, tại sao vậy? Vì người kia đối với quả mà nói nhân. Đại thừa thì đối với quả mà nói quả.

CHƯƠNG 6: DUYÊN SINH

Luận nói: Duyên sinh này đối với Đại thừa, rất là sâu xa vi tế.

Giải thích: Muốn chỉ rõ Đại thừa khác với Tiểu thừa thì Đại thừa có đủ ba thứ duyên sinh, tiểu thừa thì chỉ có hai thứ. Duyên sinh thứ nhất của Đại thừa thì trong tiểu thừa không có. Tại sao Đại thừa thì có mà tiểu thừa thì không? Vì duyên sinh thứ nhất này rất sâu xa vi tế, cho nên đối với các thừa khác không nói. Trí của phàm phu không thông đạt cho nên nói vi tế, trí của A-la-hán và Độc giác không thể suy lường đến tận cùng cho nên nói thậm thâm. Duyên sinh này có mấy loại? Nếu nói rộng thì có ba thứ, nếu nói sơ lược thì có hai thứ. Những gì là hai thứ?

Luận nói: Hoặc lược nói có hai thứ duyên sinh: 1. Phân biệt tự tánh. 2. Phân biệt ái phi ái.

Giải thích: Do hai tên này mà hai thứ duyên sinh khác nhau đã được chỉ rõ.

Luận nói: Y chỉ A-lê-da thức mà các pháp sinh khởi, đó gọi là phân biệt duyên sinh tự tánh.

Giải thích: Do chủng tử của các pháp, nếu nương vào A-lê-da thức, mà các pháp khi sắp sinh nếu đủ ngoại duyên, nương vào A-lê-da thức thì lại được sinh khởi. Các pháp sinh khởi thì lấy A-lê-da thức là nhân chung, gọi là phân biệt tự tánh. Tại sao vậy? Thể tánh của mọi pháp sinh khởi phân biệt sai biệt thì đồng lấy A-lê-da thức làm nhân. Nếu phân biệt tự tánh duyên sinh của các pháp thì tánh này chỉ có A-lê-da thức.

Luận nói: Do phân biệt tự tánh nhân duyên của các pháp.

Giải thích: Phẩm loại của các pháp khắp trong ba cõi, nếu phân biệt nhân sinh khởi thì chỉ có một thức. Nếu phân biệt tánh của các pháp, thì tức là thức này. Nếu phân riêng sai biệt của các pháp thì đều từ thức này sinh. Cho nên các pháp do thức này đều đồng một tánh. Duyên sinh thứ hai là phân biệt ái phi ái.

Luận nói: Lại có mười hai phần duyên sinh, gọi là phân biệt ái và phi ái (yêu và không đáng yêu).

Giải thích: Căn cứ theo ba đời mà lập ra mười hai phần, để hiển thị nhân, hiển thị quả, và hiển thị nhân quả. Tách rời bản tám phần căn bản làm mười hai phần. Tám phần Căn bản không ra ngoài ba pháp, là phiền não, nghiệp và quả báo:

1. Phiền não, ví như từ chủng tử sinh mầm, từ phiền não sinh phiền não, từ phiền não sinh nghiệp quả, từ phiền não sinh quả báo cũng vậy.

Lại nữa, ví như rồng trong ao nước thường không cạn, phiền não hoặc đang sinh liên tục không cùng. Lại nữa, ví như rễ cây chưa nhổ sạch, thời tiết đến thì liền sinh, chưa trừ gốc phiền não thì quả báo trong sáu đường hằng khởi.

2. Nghiệp, ví như hạt gạo có trấu thì có thể sinh mầm, nghiệp có lưu chuyển thì có thể cảm báo. Lại nữa, như Ô-sa hy, nghĩa là khi cây chuối trổ quả, cây tre ra quả, quả khi chín thì nó chết, nghiệp đã thuận thực thì không sinh lại nữa. Lại nữa, như cây và hoa là nhân gần sinh quả, nghiệp cũng như vậy, là nhân gần sinh quả.

3. Quả báo, ví như thức ăn thức uống đã chín, thức ăn uống đã chín thành thực chỉ thích ứng thọ dụng, không còn chín thêm nữa. Nếu quả báo đã thành thực thì không kết thêm hậu báo nữa. Nếu kết lại quả báo nữa thì không được giải thoát. Mười hai duyên sinh không ra ngoài ba thứ này. Mười hai phần này, có thể phân biệt có hai thứ mà sinh thân vô cùng và sai biệt, vì do duyên kia sinh. Tại sao vậy? Vì vô minh này có ba phẩm nghiệp duyên sinh, là phước, phi phước và bất động. Do hành này có ba phẩm, cho nên các thức hoặc là sinh tùy theo phước hạnh, hoặc là sinh tùy theo phi phước hành, hoặc sinh tùy theo bất động hành. Trong ba phẩm này, phước hành và bất động hành là đáng ưa, phi phước hành thì không đáng ưa. Cho nên nói phân biệt ái và phi ái.

Luận nói: Từ đường thiện, đường ác, chia ra ái phi ái sinh ra các thứ nhân khác.

Giải thích: Đường lành là ái, đường ác là phi ái. Trong đường lành và dữ này có vô lượng thứ phân biệt sai khác. Sai biệt này không ngoài mười hai thứ duyên sinh, tức là lấy mười hai duyên sinh làm nhân của sai biệt mà nói là mười hai duyên sinh phân biệt ái và Phi ái.

Luận nói: Có người đối với A-lê-da thức, mê duyên sinh thứ nhất.

Giải thích: Trong mê có ba hoặc: 1. Vô tri. 2. Nghi tri. 3. Điên đảo tri. Nếu khởi ba thứ hoặc này thì hai thứ kiến, hoặc là chấp bất bình đẳng nhân, hoặc là chấp vô nhân. Chấp bất bình đẳng nhân là thế nào?

Luận nói: Hoặc chấp tự tánh là nhân sinh tử.

Giải thích: Tăng-khư dẫn năm nghĩa để chứng minh tự tánh là thật có:

1. Do biệt thì có tổng, để biết có tự tánh. Trong thế gian nếu là biệt vật thì quyết định có tổng vật. Ví như một cân vàng dùng làm vòng xuyên, các vòng xuyên là vật riêng biệt có số lượng, thì biết vàng là vật

chung cũng có số lượng. Do thấy sự biến dị sai biệt có số lượng, nên biết tự tánh chung cũng có số lượng.

2. Do ngọn tương tự gốc, để biết có tự tánh. Ví như một cân bạch đàn phân làm nhiều mảnh, hương thơm trong mỗi mỗi mảnh tương tự gốc. Do trong biến khác sai biệt đều có ba đức, đó là ưu (lo), hỷ (mừng) và ám (tối tăm), nên biết trong tự tánh chung cũng có ba đức.

3. Do Sự có năng, để biết có tự tánh. Ví như thợ rèn trong lò rèn thì có khả năng, cho nên có thể làm ra các khí vật, do tự tánh trong biến dị có thể, cho nên có thể tạo ra vạn vật. Khả năng này nếu không nương vào “năng” thì không thành.

4. Do nhân quả sai biệt để biết có tự tánh. Ví như lấy đất làm nhân, lấy bình làm quả. Như vậy lấy tự tánh làm nhân, lấy biến dị làm quả.

5. Do ba cõi không phân biệt, biết có tự tánh. Nếu thế gian hoại thì mười một căn hoại biến thành năm đại, năm đại hoại thì biến thành năm duy lượng, năm duy lượng hoại thì biến thành ngã mạn, ngã mạn hoại thì biến thành trí. Trí hoại thì biến thành tự tánh. Ba cõi đối với tự tánh không có phân biệt trở lại nữa. Nếu khi thế gian khởi, thì từ tự tánh khởi trí, từ trí khởi ngã mạn, cho đến từ năm đại khởi mười một căn. Nếu khi không có tự tánh hoại, thì đáng lẽ là hết sạch, không có nghĩa khởi lại nữa, nếu khởi lại nữa thì không có gốc, không có nghĩa thứ tự sinh.

Luận nói: Hoặc chấp nghiệp đời trước (đời trước tạo tác).

Giải thích: Lộ-kha-da-kha nói: Tất cả nhân của thế gian chỉ có nghiệp đời trước, vì công lực hiện tại không thể cảm quả, cũng không phải nhân. Như hai người trong thế gian cùng thờ một chủ, đều có công lực, một người thì dùng lễ gặp chủ, một người thì không như vậy, cho nên biết chỉ do nghiệp đời trước. Chưa phân tích công lực hiện tại.

Luận nói: Hoặc chấp tự tại biến Hóa.

Giải thích: Như các giả lập trước đều không thành nhân, chỉ có một nhân gọi là tự tại, khiến cho chúng ta sinh thiện ác luân chuyển sinh tử, sau đó khiến cho khởi chán lìa cầu được giải thoát. Tự tại nhân luận sinh nơi trí tuệ, giải thoát các trói buộc đạt được thể tự tại.

Luận nói: Hoặc chấp tám ngã tự tại .

Giải thích: Như các Sư Bộ-thế Na-da-tu-ma chấp ngã là tướng gì, đức gì? Trí tánh làm tướng, tám thứ tự tại làm đức, như lửa lấy nhiệt làm tướng. ngã cũng như vậy, nếu độc lập tồn tại và tạp trụ thì trí tánh không có thay đổi, lấy trí tánh làm tướng. Tám tự tại: 1. Đối với tế và cực tế.

2. Đối với đại và cực đại. 3. Đến khắp. 4. Tùy ý. 5. Không có hệ thuộc.
6. Biến Hóa. 7. Thường không biến dị. 8. Thanh tịnh vô ưu.

Luận nói: Hoặc chấp không có nhân.

Giải thích: Do không hiểu rõ một phần nhân quả của thế gian, mà lấy ví dụ các quả khác đều cho là vô nhân.

Luận nói: Nếu mê duyên sinh thứ hai, thì chấp ngã là tác giả và thọ giả.

Giải thích: Cũng do ba hoặc cho nên không hiểu rõ duyên sinh thứ hai. Hoặc tăng giảm nhân quả và sự, gọi đó là không hiểu duyên sinh thứ hai. Tăng nhân, là trừ các nhân của vô minh ra, lập bất bình đẳng nhân làm nhân. Giảm nhân, là không có nhân của hành. Tăng quả, là hành vốn tự có thể, sau đó duyên vô minh mà sinh. Giảm quả, là vô hành làm quả của vô minh. Tăng sự, là vô minh sinh hành, lia thì có nhiều duyên hoà hợp, có biệt sự của vô minh và biệt sự của năng tác hành. Giảm sự, là chấp vô minh không có công năng sinh hành, vì vô minh vô động và vô tác. Nếu lia ba sự tăng giảm này, thì gọi đó là phân biệt duyên sinh thứ hai. Nếu không được phân biệt như vậy, là mê duyên sinh và khởi tăng ích chấp, tức là chấp ngã, chấp tác giả và chấp thọ giả. Trước là căn cứ theo bản thức mà khởi ngã chấp, sau là căn cứ theo nhân quả mà khởi tác giả chấp và thọ giả chấp. Nếu ngã làm nhân thì gọi là tác giả, nếu ngã thọ báo thì gọi là thọ giả.

Luận nói: Ví như nhiều người sinh ra đã mù, chưa từng thấy voi.

Giải thích: Nhiều người” là thí dụ cho Nhất-xiển-đề và ngoại đạo, “sinh ra đã mù” là thí dụ cho mê nhân quả thể tánh của A-lê-da thức và ba thứ vô minh, “chưa từng thấy” là thí dụ không thể hiểu rõ, “voi” là thí dụ cho A-lê-da thức. Sinh ra đã mù là trong một thời kỳ thọ báo chưa từng thấy sắc, Nhất-xiển-đề và ngoại từ vô thủy sinh tử đến nay chưa từng hiểu rõ ba tướng của A-lê-da thức.

Luận nói: Có người dạy họ, khiến họ sờ voi để chứng biết.

Giải thích: Có người” là ví dụ tà sư. “Dạy họ” là ví dụ thuyết tà pháp. “Khiến họ sờ voi để chứng biết” là ví dụ sai bảo họ sinh tư duy bất chánh và thiên kiến.

Luận nói: Có những người mù, hoặc sờ lên vòi của nó, hoặc sờ ngà nó, hoặc sờ tai nó, hoặc sờ chân nó, hoặc sờ đuôi nó, hoặc sờ lưng nó. Có người hỏi họ, voi là tướng gì? Những người mù đáp rằng, hoặc voi như cái cán cày, hoặc nói như cái chà, hoặc nói như cái ky, hoặc nói như cái cối, hoặc nói như cái chổi, hoặc nói như hòn đá núi. Nếu người không hiểu rõ hai thứ duyên sinh thì vô minh sinh ra mù, hoặc nói

tự tánh làm nhân, hoặc nói nghiệp đời trước, hoặc nói tự tại biến Hóa, hoặc nói tám tự tại, hoặc nói vô nhân, hoặc nói tác giả và thọ giả.

Giải thích: Lục xúc là thí dụ cho sáu thứ thiên chấp: 1. Tự tánh. 2. Tác tác. 3. Tự tại. 4. Ngã. 5. Vô nhân. 6. Tác giả và thọ giả. Đẳng (vân vân) là đồng với sáu mươi hai thứ kiến.

Luận nói: Do không hiểu rõ thể tướng và nhân quả tướng của A-lê-da thức, thì giống như những người mù bẩm sinh kia, họ nói khác nhau.

Giải thích: Phẩm thứ nhất lập tự thể để hiển thị tự tướng, lập nhân để hiển thị nhân tướng, lập quả để hiển thị quả tướng. Hai loại người này do vô minh, không hiểu rõ ba tướng của bản thức, cho nên không thể thông đạt phân biệt tự tánh duyên sinh, mà khởi lên năm thứ chấp về tự tánh; không thể thông đạt duyên sinh của ái và phi ái mà khởi chấp thứ sáu là tác giả và thọ giả.

Luận nói: Hoặc lược nói thể tướng của A-lê-da thức, là quả báo thức, là Nhất thiết chủng tử.

Giải thích: Nhân tướng của A-lê-da thức, là có tất cả pháp huân tập trong A-lê-da thức cho nên gọi là nhân. Quả tướng, thức này là sở huân của các pháp khác cho nên thành tự quả của các pháp. Thể tướng, là quả báo thức. Nhất thiết chủng tử là thể tướng của nó.

Luận nói: Do thức này nhiếp hết tất cả thân trong ba cõi, tất cả tứ sinh trong sáu đường.

Giải thích: Thân ba cõi, là đồng loại và không đồng loại sai biệt trong và bốn loài sáu đường, thức này nếu thành thực thì có thể thành thể của sáu đường. Tại sao vậy? Vì sở huân của ba nghiệp là chủng tử của các cõi. Do nghĩa này, tất cả chúng sanh và tất cả đạo trong ba cõi đều gom hết vào thức này.

Luận nói: Vì hiển thị nghĩa này cho nên nói kệ:

*Ngoại nội không hiểu rõ,
Hai tánh chỉ giả danh,
Và tất cả chân thật.
Chủng tử có sáu thứ,
Niệm niệm diệt, câu hữu,
Cùng theo đến trị tế,
Quyết định, quán nhân duyên,
Năng dẫn hiển thị tự quả.
Kiên vô ký khả huân,
Cùng năng huân tương ưng,*

*Hoặc khác không thể huân,
Nói là huân thể tướng,
Sáu thức không tương ứng,
Ba sai biệt trái nhau,
Hai niệm không đồng có,
Đời khác lệ cũng vậy,
Chủng tử ngoại nội này,
Nhân năng sinh, năng dẫn,
Khô chết cũng tương tục,
Sau đó mới diệt hết.*

Giải thích: Đã nói A-lê-da thức làm chủng tử (hạt giống) của tất cả pháp, bây giờ lại muốn hiển thị nghĩa của chủng tử cho nên nói kệ này.

“Ngoại Nội không hiểu rõ” là đối với hai thứ chủng tử: 1. Ngoại. 2. Nội. Ngoại chủng tử là lúa, mè... đối với hai tánh thiện ác không hiểu rõ là hữu ký. Nội chủng tử là A-lê-da thức, đối với hai tánh thiện ác thì hiểu rõ. Hoặc lấy nhiễm ô và thanh tịnh làm hai tánh, chỉ có giả danh và chân thật. Ngoại chủng tử chỉ là giả danh, tại sao vậy? Vì tất cả pháp chỉ có thức. Nội chủng tử là chân thật, tại sao vậy? Vì tất cả pháp lấy thức làm gốc.

“Nhất thiết chủng tử có sáu thứ”, như vậy nội và ngoại chủng tử chẳng qua là sáu thứ. Những gì là sáu? “Niệm niệm diệt”, hai thứ chủng tử này diệt trong từng sát-na, trước sinh sau diệt không có gián đoạn, pháp này được thành chủng tử, tại sao vậy? Vì pháp thường trụ thì không thành chủng tử, vì trong tất cả thời không có sai biệt cho nên một gọi là niệm niệm diệt. “Câu hữu”, là câu hữu thì thành chủng tử, vì không phải quá, vị lai và không phải lìa nhau, lúc đó chủng tử có, tức là lúc này chủng tử sinh, cho nên cả hai gọi là câu hữu. “Cùng theo đến trị tế” trị là đạo của kim cương tâm, A-lê-da thức trong lúc này công năng mới hết, cho nên gọi là tế (bờ mé). Ngoại chủng tử đến khi quả chín và căn hoại thì công năng mới hết, cho nên chủng tử thứ ba gọi là “Cùng theo đến trị tế. “Quyết định”, do quyết định này mà không từ nơi tất cả, tất cả được sinh nhân quả, gồm quyết định hoặc là chủng tử của quả này, quả này được sinh cho nên chủng tử thứ bốn gọi là quyết định. “Quán nhân duyên”, do chủng tử này quán riêng nhân duyên mới sinh quả trở lại, cho nên không phải mọi lúc, không phải tất cả sinh. Khi ấy, nếu có nhân thì lúc đó được sinh, cho nên không hằng sinh. Nếu không quán nhân mà thành nhân, thì một nhân trở thành tất cả nhân quả. Vì

quán mà nhân duyên thành, không tràn lan làm nhân, cho nên chủng tử thứ năm là quán nhân duyên. “Năng dẫn hiển thị tự quả”, là tự chủng tử có khả năng dẫn sinh tự quả. Nếu A-lê-da thức có khả năng dẫn sinh quả của A-lê-da thức, thì cũng như hạt lúa có thể dẫn sinh hạt lúa, cho nên chủng tử thứ sáu là năng dẫn hiển tự quả. Sáu thứ như vậy là nghĩa nhân quả sinh. Phương tiện như vậy, khiến cho sự huân tập tương mạo dễ thấy. Bây giờ nói thêm.

Kiên vô ký khả huân, cùng năng huân tương ưng”, nghĩa chữ huân có bốn thứ:

1. Hoặc tương tục kiên trụ khó hoại, thì có thể thọ huân tập. Nếu kinh động thì không được như vậy, ví như gió không thể thọ huân tập, tại sao vậy? Vì gió này nếu tương tục nội trong một do-tuần, huân tập cũng không thể đuổi theo được, vì sự tán động. Hoặc nhìn xem chỗ xông ướp (huân tập) dầu của ba hoa (sóng hoa), trong một trăm do-tuần thì có thể đuổi theo được, vì kiên trụ.

2. Hoặc vô ký khí có thể thọ huân, do đó hành tởi không thọ huân, vì mùi hôi của nó, trầm hương và xạ hương cũng không thọ huân, vì mùi thơm của nó. Nếu vật không bị thơm hôi ướp vào thì có thể thọ huân, cũng như y phục...

3. Hoặc Khả huân có thể thọ huân, do đó vàng bạc đá... Đều là bất khả huân, vì không thể thọ huân. Hoặc vật như y phục trơn láng, vì có thể thọ huân, cho nên gọi là Khả huân.

4. Hoặc năng sở tương ưng thì có thể thọ huân, hoặc sinh vô gián, gọi là tương ưng cho nên được thọ huân, hoặc bất tương ưng thì không thể thọ huân, hoặc cái khác không thể huân thì gọi là huân thể tương. Nếu khác với bốn nghĩa này thì không thể huân. Cho nên lìa A-lê-da thức thì các pháp khác không thể thọ huân, vì A-lê-da thức có đủ sáu nghĩa trước: 1. Niệm niệm sinh diệt. 2. Cùng với sinh khởi thức đồng thời có. 3. Cùng theo đến trị tế, tận cùng nơi sinh tử. 4. Quyết định là nhân của thiện ác. 5. Quán phước hạnh, phi phước hạnh và bất động là nhân, đối với hai đạo yêu, ghét thành thực làm thể của đạo. 6. Có thể dẫn hiển thị đồng loại quả và nhất thiết sinh khởi thức.

Tuy có đủ sáu nghĩa được làm chủng tử, nhưng chỉ tương phản với bốn nghĩa của huân tập. Do A-lê-da thức có đủ sáu nghĩa của chủng tử và bốn nghĩa của huân tập mà có thể thọ huân tập chuyển thành chủng tử. Các thức khác thì không như vậy. Tại sao vậy? Vì sáu thức không có tương ưng, sáu thức không có nghĩa tương ưng trước sau, vì dễ động và dễ hoại. Lại nữa, không phải chỉ có dễ động hoại mà không có tương

ưng. Lại có các nghĩa khác: Ba thứ sai biệt trái nhau, là tùy theo mỗi mỗi thức, riêng y chỉ mà sinh, riêng cảnh giới mà sinh, riêng giác quán và tư duy mà sinh, riêng tướng mà sinh, cho nên gọi là tương vi. Sáu thức không tương thông lẫn nhau cho nên sai biệt, vì sai biệt cho nên trái nhau. Các Sư Kinh Bộ nói: Niệm trước huân niệm sau, tại sao vậy? Vì hai trong một sát-na không cùng khởi, không được đồng thời. nghĩa này thì không phải như thế. Tại sao vậy? Vì một niệm không còn đi với hai là năng huân và sở huân trong cùng lúc, đồng sinh đồng diệt thì nghĩa huân tập được thành, nếu không đồng thời thì nghĩa huân tập không thành. Tại sao vậy? Nếu năng huân còn mà sở huân chưa sinh, đến khi sở huân sinh thì năng huân đã mất, sát-na trước và sau đồng thời khởi là không có chỗ như vậy. Do đó sáu thức không đồng thời khởi thì không có huân tập. Nếu ông nói có thức sinh loại, tương nó như vậy cho nên có thể thọ huân thì nghĩa đó không đúng. Ngoài sinh ra, các ví dụ khác cũng phải như vậy. Nếu ông chấp nghĩa bất tương ứng cũng được huân tập lẫn nhau, thì đó không phải chỗ chấp nghĩa của ông, phải nên ví dụ chỗ chấp của ông, như nhân... các căn cùng với thức không đồng cho nên gọi là dư thừa. Các sắc căn này thanh tịnh đồng loại thì cũng phải huân tập lẫn nhau, vì tuy đồng sắc loại nhưng mà không tương ứng. Nếu ông không thừa nhận không huân tập lẫn nhau, thì sáu thức cũng vậy, dù đồng thức loại nhưng không tương ứng. Như thế nào mới được nói huân tập lẫn nhau? Trước đã nói hai thứ chủng tử, là ngoại chủng tử và nội chủng tử. Nếu cho rằng nhân và nghĩa đồng loại thì trở thành hai thứ nhân, một là sinh nhân và hai là dẫn nhân. Để hiển thị nghĩa này cho nên nói ngoại chủng và tử nội chủng tử này có thể sinh nhân và dẫn nhân. Ngoại chủng tử và nội chủng tử nếu làm sinh nhân và dẫn nhân, thì tướng của nó như thế nào? Có thể sinh mầm... cho đến quả chín, là ngoại sinh nhân, có khả năng sinh quả báo cho đến mạng chung là nội sinh nhân. Dẫn nhân, là khô chết nhưng vẫn còn tương tục rồi sau đó mới diệt hết, thì ngoại chủng tử như lúa cũ, nội chủng tử như thân đã chết, nhưng do dẫn nhân cho nên còn tương tục trụ. Nếu hai thứ này chỉ có sinh nhân, sinh nhân đã mất, thì quả liền phải diệt, không được tương tục trụ. Nếu ông nói, do sát-na chuyển chuyển tương sinh thì sát-na trước làm tác nhân của sát-na sau, cũng còn tương tục trụ, nếu như thế thì tối hậu không nên đều diệt hết. Vì đã không có hai nghĩa này, cho nên biết chỉ riêng có dẫn nhân. Hai nhân này, ví như người bắn cung, mũi tên là sinh nhân, cây cung là dẫn nhân, mũi tên lìa dây đi xa có chỗ đến, nếu chỉ lấy mũi tên làm nhân, không lấy cây cung là nhân thì mũi

tên không được đi xa. Nếu nói mũi tên sát-na trước sinh mũi tên sát-na sau cho nên mũi tên được đi xa, có nghĩa là mũi tên không bị rơi rớt. Ngoại chủng tử và nội chủng tử cũng vậy. Do sinh nhân hết cho nên không chết, do Dẫn nhân hết cho nên diệt tận.

Luận nói:

*Ví như ngoại chủng tử,
Nội chủng không như vậy.*

Nghĩa này lấy hai bài kệ để hiển thị nó:

*Ngoại chủng không huân tập,
Nội chủng không như vậy,
Văn (nghe)... Không có huân tập,
Quả sinh phi đạo lý.
Đã khởi và chưa khởi,
Được và mất trái nhau,
Do nội ngoại được thành
Cho nên nội có huân.*

Giải thích: Nếu nội chủng tử và ngoại chủng tử không khác nhau, thì nhân... các căn đồng là bốn đại thanh tịnh, tại sao không huân lẫn nhau? Vì là bên ngoài. Ngoại chủng tử có ba nghĩa, khác với nội chủng tử. Do đó, nội chủng tử huân tập mà y chỉ ngoại chủng tử thì không phải như vậy. Để hiển thị nghĩa đó cho nên nói hai bài Kệ. “Ngoại không có huân tập, nội chủng không như vậy”, là ngoại chủng tử như lúa mè... Do công năng mà thành, không do huân tập mà thành. Nội chủng tử thì không như vậy, chắc chắn do huân tập mà thành. Nghĩa này không phải chứng cảnh giới thì làm sao biết được? “Văn (nghe)... Không có huân tập, quả sinh phi đạo lý”, hoặc đối với nội chủng tử không có huân tập, thì khi chưa học, văn, tư, tu Tuệ chưa sinh, từ khi học thì Văn tuệ, sau đó là Tư tuệ cũng chưa sinh. Tại sao vậy? Vì đồng với không có huân tập. Đã không có nghĩa này, cho nên biết nội chủng tử do huân tập mà thành chủng tử. Không có huân tập thì không thành. Nếu đối với nội không có huân tập, thì có lỗi gì? “Đã khởi và chưa khởi, được và mất trái nhau”, là nếu nội chủng tử không có huân tập thì có hai lỗi: 1. Chưa khởi mà phải được, đã khởi mà phải mất. Hoặc không có huân tập trong tương tục làm nhân, thì các quả khổ vui này không phải do nhân tạo ra, tức là không làm mà được. Hoặc đã khởi công dụng đối với tâm mà không có huân tập, thì không nhân mà có khả năng được quả, tức là đã tạo tác mà mất. Nghĩa này trong thế gian trái nhau, cùng với đạo lý cũng trái nhau, cho nên bản thức là chỗ huân tập của ba nghiệp mà được thành

nhân. Lại nữa, tại sao lúa mè... Không có huân tập mà được thành chủng tử? “Do nội ngoại được thành, cho nên nội có huân. Ngoại nếu thành chủng tử mà không do tự khả năng, thì chắc chắn do nội chủng tử huân tập cảm ứng ngoại mà thành chủng tử. Tại sao vậy? Tất cả ngoại pháp lìa nội pháp thì không thành, cho nên đối với ngoại chủng tử thì không thành huân tập: Một là do nội có huân tập được thành chủng tử. Hai là nếu nội không có chủng tử thì khi chưa khởi mà được, khi đã khởi thì bị mất, không có nghĩa như vậy. Ba là ngoại chủng tử do nội mà được thành, cho nên nội khác ngoại thì chắc chắn có huân tập, trước đã nói phân biệt duyên sinh, ái phi ái duyên sinh, bây giờ nói thêm thọ dụng duyên sinh. tướng nó như thế nào?

Luận nói: Các thức còn lại thì khác với A-lê-da thức, là tất cả sinh xứ và đạo của sinh khởi thức, phải biết đó là thọ dụng thức.

Giải thích: Sáu thức này tại sao gọi là sinh khởi thức? Tự nó có hai nghĩa, là chủng tử trong bản thức, vì do thức này sinh khởi. Sáu thức này là do nghiệp phiền não duyên khởi: Một là có khả năng huân tập bản thức, khiến cho thành chủng tử. Chủng tử có hai khả năng một là năng sinh, hai là năng dẫn. Do có hai khả năng này mà sáu thức gọi là sinh khởi thức. Do quả có hai khả năng cho nên nhân được hai tên. Hai là nhân trong bản thức khi chín muồi, thì sáu thức tùy theo nhân sinh khởi, là thọ dụng các quả báo yêu, ghét. Thức này gọi là sinh khởi thức, cũng gọi là thọ dụng thức, vì do sự sinh khởi của nhân quá khứ, khiến cho thọ dụng quả báo, mà được hai tên sinh khởi và thọ dụng. Tất cả sự thọ thân của sinh khởi thức này là các xứ tứ sinh và sáu cõi, vì có thể thọ quả báo. Phải biết đây gọi là thọ dụng thức. Thọ dụng thức này tướng mạo như thế nào ?

Luận nói: Như Kệ trong Trung Biên Luận nói:

*Một gọi là duyên thức,
Hai gọi là thọ thức,
Liễu thọ là phân biệt,
Khởi hành các tâm pháp.*

Giải thích: Một gọi là duyên thức”, vì A-lê-da thức là nhân duyên của sinh khởi thức, gọi là duyên thức. “Hai gọi là thọ thức”, ngoài ra các thức khác trước đã nói là sinh khởi thức, hiện gọi là thọ thức. Có thể duyên trần mà khởi, trong mỗi mỗi trần có thể thọ dụng khổ lạc, cho nên gọi là thọ thức, tức là thọ ấm. “Liễu thọ gọi là phân biệt”, ba thứ thọ này, hoặc có riêng tâm năng liễu biết, gọi đây là thọ khổ, đây là thọ vui, đây là cảm thọ không khổ không vui. Thức này gọi là phân biệt

thức, tức là tướng thức. “Tâm pháp của khởi hành”, Tác ý gọi là khởi hành, là tác ý này rất ưa các ác kia, do tư cho nên gọi là tác ý, tác ý này có thể khiến cho tâm có thể bỏ đây thọ kia mà gọi là khởi hành. Khởi hành tức là hành ấ. Sáu thức gọi là tâm, vì từ tâm ban đầu này sinh ra ba tâm sau, gọi là tâm pháp.

Luận nói: Hai thức này làm nhân lẫn nhau, như kệ trong Đại thừa A-tỳ-đạt-ma nói:

*Các pháp trong tạng thức,
Thức trong pháp cũng vậy,
Hai thứ làm nhân nhau,
Cũng làm quả lẫn nhau.*

Giải thích: Những câu kệ này muốn hiển thị bản thức và thọ dụng thức làm nhân quả lẫn nhau, lấy A-hàm để làm chứng, cùng với A-hàm không trái nhau thì quyết định đáng tin. Lại nữa, nếu không làm các câu kệ đó thì chưa biết các chứng cứ này từ đâu mà ra, là lời nói của Thánh hay không phải lời nói của Thánh, cho nên nói các câu kệ này. “Các pháp trong tạng thức, thức trong pháp cũng vậy. Nếu bản thức làm nhân các pháp, thì các pháp làm quả, ấ nươg ấ trong bản thức. Nếu các pháp làm nhân của bản thức, thì bản thức làm quả, ấ nươg ấ trong các pháp. “Hai thứ làm nhân nhau, cũng làm quả lẫn nhau”, là nếu bản thức làm nhân của các pháp kia, thì các pháp làm quả của bản thức. Nếu các pháp kia làm nhân của bản thức, thì bản thức làm quả của nó. Như vậy lý của nhân quả, có Phật hay không có Phật, pháp vốn thường trụ như vậy.

CHƯƠNG 7: TỨ DUYÊN

Giải thích: Như vậy ba thứ duyên sinh: 1. Cùng sinh tử duyên sinh. 2. Ái phi ái đạo duyên sinh. 3. Thọ dụng duyên sinh. Ba thứ duyên sinh này có bốn thứ duyên.

Luận nói: Hoặc trong duyên sinh thứ nhất, các pháp cùng với thức lẫn nhau làm nhân duyên.

Giải thích: nhân duyên đã hiển thị thì không cần hỏi lại nữa. Tại sao vậy? Vì các pháp huân tập trong A-lê-da thức, được làm nhân quả lẫn nhau.

Luận nói: Trong “duyên sinh” thứ hai, chư pháp là duyên gì? Là tăng thượng duyên.

Giải thích: Do vô minh tăng trưởng mà các hành được sinh. Tăng Thượng có hai thứ: 1. Bất tương ly. 2. Đản hữu (chỉ có). bất tương ly, như nhãn căn làm nhãn thức tác khởi tăng thượng duyên. Đản hữu, như màu trắng có thể hiển thị hiện màu đen. Hoặc hành của vô minh có đủ hai thứ tăng thượng duyên, nếu không có khổ thì hành của vô minh cõi dưới không sinh, nếu hành đã sinh mà không có tu đạo vô minh thì các hành không thuần thực. Tại sao vậy? Vì bậc Tu-đà-hoàn không tạo hoặc sinh báo nghiệp, bậc A-na-hàm không thọ sinh báo của cõi dưới.

Luận nói: Lại nữa, có mấy duyên có thể sinh sáu thức? Có ba duyên, là tăng thượng duyên, duyên duyên và thứ đệ duyên.

Giải thích: Từ căn sinh cho nên là tăng thượng duyên. Từ duyên trần cho nên là duyên duyên. Thức trước diệt thì thức sau sinh là thứ đệ duyên. Khi thức trước có thể cùng với thức sau sinh, khoảng giữa không có ngăn cách cho nên gọi là “thứ đệ”.

Luận nói: Như vậy ba duyên sinh: 1. Cùng sinh tử duyên sinh; 2. Yêu, ghét đạo duyên sinh; 3. Thọ dụng duyên sinh có đủ bốn duyên.

Giải thích: Vì bốn duyên ấy căn cứ theo ba thứ duyên sinh, có đủ và không đủ. Nếu ngay chỗ hiển thị liễu nghĩa thì đều không đủ bốn duyên. Nếu ngay chỗ ẩn mật nghĩa thì đều có đủ bốn duyên.

